

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5097/QĐ-BQP

Hà Nội, ngày 17 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới và thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực mật mã dân sự thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng; được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 341/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật An ninh mạng về hoạt động mật mã dân sự;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Cơ yếu Chính phủ tại Tờ trình số 645/TTr-BCY ngày 13 tháng 9 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 01 thủ tục hành chính mới ban hành và 03 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực mật mã dân sự thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng (*Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Sửa đổi, bổ sung 03 thủ tục hành chính đã được công bố tại Quyết định số 2863/QĐ-BQP ngày 04 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực mật mã dân sự thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng.

Điều 3. Trưởng ban Ban Cơ yếu Chính phủ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các đồng chí Lãnh đạo BQP;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP;
- Văn phòng BQP: CVP, PCVP(CCHC), Công Thông tin điện tử BQP (để đăng tải);
- Lưu: VT, CCHC. S130.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Thượng tướng Nguyễn Văn Hiến

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI VÀ ĐƯỢC SỬA ĐỔI,
BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC MẬT MÃ DÂN SỰ THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ QUỐC PHÒNG**
(Kèm theo Quyết định số 509/QĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Thủ tục bổ sung Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự	Nghị định số 341/2026/NĐ-CP ngày 01/9/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật An ninh mạng về hoạt động mật dân sự	Mật mã dân sự	Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã/Ban Cơ yếu Chính phủ

2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung được sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.013199	Thủ tục cấp mới Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự	Nghị định số 341/2026/NĐ-CP ngày 01/9/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật An ninh mạng về hoạt động mật dân sự	Mật mã dân sự	Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã/Ban Cơ yếu Chính phủ
2	1.013200	Thủ tục sửa đổi Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự			
3	1.013203	Thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự			

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục bổ sung Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự

1.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp đề nghị bổ sung Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự lập 01 bộ hồ sơ, nộp trực tiếp, qua hệ thống bưu chính, qua Bộ phận Một cửa Bộ Quốc phòng hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng, Công Dịch vụ công quốc gia đến Ban Cơ yếu Chính phủ. Hồ sơ nộp trực tuyến phải được ký số theo quy định của pháp luật về chữ ký số.

Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ban Cơ yếu Chính phủ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp về nội dung cần sửa đổi, bổ sung. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo, doanh nghiệp có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ vẫn không đáp ứng được các nội dung theo thông báo hoặc quá thời hạn hoàn thiện hồ sơ, trong thời hạn 01 ngày làm việc, Ban Cơ yếu Chính phủ thông báo bằng văn bản đến doanh nghiệp về lý do không cấp giấy phép.

Bước 3: Trong thời hạn 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Cơ yếu Chính phủ thẩm định hồ sơ và cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự.

Trường hợp từ chối cấp phép, Ban Cơ yếu Chính phủ thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử.

1.3. Thành phần hồ sơ:

Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị bổ sung Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự.

- Phương án kỹ thuật đối với sản phẩm, dịch vụ đề nghị bổ sung (*áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp đề nghị bổ sung sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự*).

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ban Cơ yếu Chính phủ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp về nội dung cần sửa đổi, bổ sung.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo, doanh nghiệp có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ.

Trong thời hạn 01 ngày làm việc đối với trường hợp việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ vẫn không đáp ứng được các nội dung theo thông báo hoặc quá thời hạn hoàn thiện hồ sơ; Ban Cơ yếu Chính phủ thông báo bằng văn bản đến doanh nghiệp về lý do không cấp giấy phép.

b) Trong thời hạn 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Cơ yếu Chính phủ thẩm định hồ sơ và cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự bổ sung. Trường hợp từ chối cấp phép, Ban Cơ yếu Chính phủ thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Cơ yếu Chính phủ
- b) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã.
- c) Cơ quan phối hợp: Không.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự.

1.8. Phí, lệ phí: *Mức thu bằng 50% mức thu phí quy định tại Mục I và Mục II Biểu mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư số 249/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 (Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân).*

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Đơn đề nghị bổ sung Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự theo Mẫu số 02 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 341/2026/NĐ-CP.
- Phương án kỹ thuật theo Mẫu số 03 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 341/2026/NĐ-CP.
- Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự theo Mẫu số 04 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 341/2026/NĐ-CP.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- Việc bổ sung Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự được thực hiện trong trường hợp doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép có nhu cầu thay đổi, bổ sung sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự.
- Doanh nghiệp phải có phương án kỹ thuật phù hợp đối với danh mục sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự đề nghị bổ sung.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15.
- Nghị định số 341/2026/NĐĐ-CP ngày 1/9/2026 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật An ninh mạng về hoạt động mật mã dân sự.

Mẫu số 02

(TÊN DOANH NGHIỆP) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số: ...

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Sửa đổi/bổ sung Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự**

Kính gửi: Ban Cơ yếu Chính phủ.

Tên doanh nghiệp đề nghị cấp phép (viết bằng tiếng Việt):

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên doanh nghiệp viết tắt (nếu có):

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:

Email: Website:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/giấy
tờ khác có giá trị tương đương:

do: cấp ngày:

Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự số: do

Ban Cơ yếu Chính phủ cấp ngày:

Họ và tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Chức vụ:

Số CCCD/Số định danh cá nhân/Hộ chiếu:

cấp ngày tại

Lý do đề nghị:

(ghi rõ lý do đề nghị sửa đổi/bổ sung Giấy phép)

Đề nghị Ban Cơ yếu Chính phủ:

(ghi rõ yêu cầu sửa đổi/bổ sung Giấy phép)

Tôi/chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của các thông tin đã cung cấp và cam kết thực hiện đúng các quy định về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự tại Luật An ninh mạng, Nghị định số 341/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật An ninh mạng về hoạt động mật mã dân sự.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(TÊN DOANH NGHIỆP)

PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT

(Kèm theo Đơn đề nghị số ... ngày ... tháng ... năm ...)

I. SẢN PHẨM XIN CẤP PHÉP

1. Giới thiệu chung

Giới thiệu chung về sản phẩm cần xin cấp phép, bao gồm thông tin chung về sản phẩm; các chức năng, đặc tính kỹ thuật của sản phẩm.

2. Đặc tính kỹ thuật mật mã

Nêu rõ các thuật toán mật mã, tham số mật mã được sử dụng trong sản phẩm (tham chiếu kết quả đánh giá, chứng nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với các đặc tính kỹ thuật mật mã của sản phẩm).

3. Mô hình triển khai

Mô tả mô hình triển khai sản phẩm và nguyên lý chung của việc sử dụng sản phẩm nhằm bảo mật, xác thực thông tin trong hệ thống.

4. Cấu hình tham số mật mã

Mô tả việc thiết lập, cấu hình các tham số mật được sử dụng trong sản phẩm và tài liệu tham chiếu (nếu có).

II. PHƯƠNG ÁN BẢO HÀNH, BẢO TRÌ SẢN PHẨM MẬT MÃ DÂN SỰ

1. Tổng quan
2. Phạm vi bảo hành, bảo trì
3. Quy trình bảo hành
4. Địa chỉ bảo hành

Mẫu số 04

BAN CƠ YẾU CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GPKD-MMDS

..., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP KINH DOANH
SẢN PHẨM, DỊCH VỤ MẬT MÃ DÂN SỰ

TRƯỞNG BAN BAN CƠ YẾU CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 341/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật An ninh mạng về hoạt động mật mã dân sự;

Xét hồ sơ đề nghị cấp/sửa đổi/bổ sung Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự của.....¹;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.³

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: do..... cấp ngày tháng..... năm;

Được kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự theo Danh mục kèm theo Giấy phép này.

Điều 2.³ phải thực hiện đúng các quy định của Luật và Nghị định sốngày.... tháng..... năm..... của Chính phủ quy định về hoạt động mật mã dân sự.

Điều 3. Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự này có thời hạn từ ngày tháng năm đến hết ngày.... tháng năm; ²thay thế cho Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự số/GPKD ngàytháng.....năm.... của Trưởng ban Ban Cơ yếu Chính phủ./.

Nơi nhận:

-....

-...

TRƯỞNG BAN

(ký tên và đóng dấu)

¹ Tên doanh nghiệp được cấp phép

² Sử dụng trong trường hợp sửa đổi/ bổ sung Giấy phép

**DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM, DỊCH VỤ MẬT MÃ DÂN SỰ ĐƯỢC
PHÉP KINH DOANH**

*(Kèm theo Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự
số.../GPKD-BCY ngày tháng.... năm của Ban Cơ yếu Chính phủ)*

1. Danh mục các sản phẩm mật mã dân sự được phép kinh doanh

STT	Tên nhóm sản phẩm	Tiêu chuẩn, đặc tính kỹ thuật	Phạm vi, lĩnh vực cung cấp
1			
2			
...			

2. Danh mục các dịch vụ mật mã dân sự được phép kinh doanh

STT	Tên dịch vụ	Phạm vi, lĩnh vực cung cấp
1		
2		
...		

2. Thủ tục cấp mới Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự

1.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp đề nghị cấp mới Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự lập 01 bộ hồ sơ, nộp trực tiếp, qua hệ thống bưu chính, qua Bộ phận Một cửa Bộ Quốc phòng hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng, Cổng Dịch vụ công quốc gia đến Ban Cơ yếu Chính phủ. Hồ sơ nộp trực tuyến phải được ký số theo quy định của pháp luật về chữ ký số.

Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ban Cơ yếu Chính phủ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp về nội dung cần sửa đổi, bổ sung. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo, doanh nghiệp có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ vẫn không đáp ứng được các nội dung theo thông báo hoặc quá thời hạn hoàn thiện hồ sơ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Ban Cơ yếu Chính phủ thông báo bằng văn bản đến doanh nghiệp về lý do không cấp giấy phép.

Bước 3: Trong thời hạn 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Cơ yếu Chính phủ thẩm định hồ sơ và cấp mới Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự. Trường hợp từ chối cấp phép, Ban Cơ yếu Chính phủ thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự.
- Bản sao văn bằng hoặc chứng chỉ chuyên môn về bảo mật, an toàn thông tin của đội ngũ quản lý, điều hành, kỹ thuật.
- Phương án kỹ thuật gồm tài liệu về đặc tính kỹ thuật, tham số kỹ thuật của sản phẩm; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của sản phẩm; tiêu chuẩn, chất lượng dịch vụ; các biện pháp, giải pháp kỹ thuật; phương án bảo hành, bảo trì sản phẩm.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ban Cơ yếu Chính phủ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp về nội dung cần sửa đổi, bổ sung.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo, doanh nghiệp có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, đối với trường hợp việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ vẫn không đáp ứng được các nội dung theo thông báo hoặc quá thời hạn hoàn thiện hồ sơ, Ban Cơ yếu Chính phủ thông báo bằng văn bản đến doanh nghiệp về lý do không cấp giấy phép.

b) Trong thời hạn 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Cơ yếu Chính phủ thẩm định hồ sơ và cấp mới Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự. Trường hợp từ chối cấp phép, Ban Cơ yếu Chính phủ thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Cơ yếu Chính phủ.

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã.

c) Cơ quan phối hợp: Không.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự.

1.8. Phí, lệ phí: Mức thu bằng 50% mức thu phí quy định tại Mục I và Mục II Biểu mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư số 249/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 (Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân).

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự theo Mẫu số 01 Phụ lục III Nghị định 341/2026/NĐ-CP.

- Phương án kỹ thuật theo Mẫu số 03 Phụ lục III Nghị định 341/2026/NĐ-CP.

- Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự theo Mẫu số 04 Phụ lục III Nghị định 341/2026/NĐ-CP.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Doanh nghiệp được cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có tối thiểu 02 cán bộ kỹ thuật có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các ngành điện tử - viễn thông, công nghệ thông tin, toán học, an toàn thông tin; 01 cán bộ quản lý, điều hành có bằng tốt nghiệp đại học thuộc một trong các ngành điện tử - viễn thông, công nghệ thông tin, toán học, an toàn thông tin hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác và có chứng chỉ đào tạo về bảo mật, an toàn thông tin;

- Có hệ thống trang thiết bị, cơ sở vật chất phù hợp với phạm vi, đối tượng, lĩnh vực cung cấp sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự;
- Có phương án kỹ thuật phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15.
- Nghị định số 341/2026/NĐĐ-CP ngày 01/9/2026 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật An ninh mạng về hoạt động mật mã dân sự.

Mẫu số 01

(TÊN DOANH NGHIỆP) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự

Kính gửi: Ban Cơ yếu Chính phủ.

Tên doanh nghiệp đề nghị cấp phép (viết bằng tiếng Việt):.....

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):.....

Tên doanh nghiệp viết tắt (nếu có):

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:

Email: Website:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/giấy tờ khác có giá trị tương đương:

do: cấp ngày:

Họ và tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Chức vụ:

Số CCCD/Số định danh cá nhân/Hộ chiếu:

cấp ngày..... tại

Đề nghị Ban Cơ yếu Chính phủ cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự như sau:

1. Danh mục các sản phẩm mật mã dân sự đề nghị cấp phép kinh doanh

STT	Tên nhóm sản phẩm	Tiêu chuẩn, đặc tính kỹ thuật	Phạm vi, lĩnh vực cung cấp
1			
2			
3			
4			
...			

2. Danh mục các dịch vụ mật mã dân sự đề nghị cấp phép kinh doanh

STT	Tên dịch vụ	Phạm vi, lĩnh vực cung cấp
1		
2		
...		

Tôi/chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của các thông tin đã cung cấp và cam kết thực hiện đúng các quy định về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự tại Luật An ninh mạng, Nghị định số 341/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật An ninh mạng về hoạt động mật mã dân sự.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(TÊN DOANH NGHIỆP)

PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT

(Kèm theo Đơn đề nghị số ... ngày ... tháng ... năm ...)

I. SẢN PHẨM XIN CẤP PHÉP

1. Giới thiệu chung

Giới thiệu chung về sản phẩm cần xin cấp phép, bao gồm thông tin chung về sản phẩm; các chức năng, đặc tính kỹ thuật của sản phẩm.

2. Đặc tính kỹ thuật mật mã

Nêu rõ các thuật toán mật mã, tham số mật mã được sử dụng trong sản phẩm (tham chiếu kết quả đánh giá, chứng nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với các đặc tính kỹ thuật mật mã của sản phẩm).

3. Mô hình triển khai

Mô tả mô hình triển khai sản phẩm và nguyên lý chung của việc sử dụng sản phẩm nhằm bảo mật, xác thực thông tin trong hệ thống.

4. Cấu hình tham số mật mã

Mô tả việc thiết lập, cấu hình các tham số mật được sử dụng trong sản phẩm và tài liệu tham chiếu (nếu có).

II. PHƯƠNG ÁN BẢO HÀNH, BẢO TRÌ SẢN PHẨM MẬT MÃ DÂN SỰ

1. Tổng quan
2. Phạm vi bảo hành, bảo trì
3. Quy trình bảo hành
4. Địa chỉ bảo hành

Mẫu số 04

BAN CƠ YẾU CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GPKD-MMDS

..., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP KINH DOANH
SẢN PHẨM, DỊCH VỤ MẬT MÃ DÂN SỰ

TRƯỞNG BAN BAN CƠ YẾU CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định Nghị định số 341/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật An ninh mạng về hoạt động mật mã dân sự;

Xét hồ sơ đề nghị cấp/sửa đổi/bổ sung Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự của.....³;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.¹

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: do..... cấp ngày tháng..... năm;

Được kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự theo Danh mục kèm theo Giấy phép này.

Điều 2.¹ phải thực hiện đúng các quy định của Luật và Nghị định sốngày.... tháng..... năm..... của Chính phủ quy định về hoạt động mật mã dân sự.

Điều 3. Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự này có thời hạn từ ngày tháng năm đến hết ngày.... tháng năm; ⁴thay thế cho Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự số/GPKD ngàytháng.....năm.... của Trưởng ban Ban Cơ yếu Chính phủ./.

Nơi nhận:

-....

-...

TRƯỞNG BAN
(ký tên và đóng dấu)

³ Tên doanh nghiệp được cấp phép

⁴ Sử dụng trong trường hợp sửa đổi/bổ sung Giấy phép

**DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM, DỊCH VỤ MẬT MÃ DÂN SỰ ĐƯỢC
PHÉP KINH DOANH**

*(Kèm theo Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự
số.../GPKD-BCY ngày tháng.... năm của Ban Cơ yếu Chính phủ)*

1. Danh mục các sản phẩm mật mã dân sự được phép kinh doanh

STT	Tên nhóm sản phẩm	Tiêu chuẩn, đặc tính kỹ thuật	Phạm vi, lĩnh vực cung cấp
1			
2			
...			

2. Danh mục các dịch vụ mật mã dân sự được phép kinh doanh

STT	Tên dịch vụ	Phạm vi, lĩnh vực cung cấp
1		
2		
...		

3. Thủ tục sửa đổi Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự

1.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp đề nghị sửa đổi Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự lập 01 bộ hồ sơ, nộp trực tiếp, qua hệ thống bưu chính, qua Bộ phận Một cửa Bộ Quốc phòng hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng, Cổng Dịch vụ công quốc gia đến Ban Cơ yếu Chính phủ. Hồ sơ nộp trực tuyến phải được ký số theo quy định của pháp luật về chữ ký số.

Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ban Cơ yếu Chính phủ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp về nội dung cần sửa đổi, bổ sung. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo, doanh nghiệp có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ vẫn không đáp ứng được các nội dung theo thông báo hoặc quá thời hạn hoàn thiện hồ sơ, trong thời hạn 01 ngày làm việc, Ban Cơ yếu Chính phủ thông báo bằng văn bản đến doanh nghiệp về lý do không cấp giấy phép.

Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Cơ yếu Chính phủ thẩm định hồ sơ và cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự.

Trường hợp từ chối cấp phép, Ban Cơ yếu Chính phủ thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày được cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự sửa đổi, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp lại Ban Cơ yếu Chính phủ bản chính Giấy phép (bản giấy) đã được cấp trước đó.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử.

1.3. Thành phần hồ sơ:

Thành phần hồ sơ: Đơn đề nghị sửa đổi Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ban Cơ yếu Chính phủ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp về nội dung cần sửa đổi, bổ sung.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo, doanh nghiệp có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ.

Trong thời hạn 01 ngày làm việc đối với trường hợp việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ vẫn không đáp ứng được các nội dung theo thông báo hoặc quá thời hạn hoàn thiện hồ sơ, Ban Cơ yếu Chính phủ thông báo bằng văn bản đến doanh nghiệp về lý do không cấp giấy phép.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Cơ yếu Chính phủ thẩm định hồ sơ và cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự sửa đổi. Trường hợp từ chối cấp phép, Ban Cơ yếu Chính phủ thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày được cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự sửa đổi, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp lại Ban Cơ yếu Chính phủ bản chính Giấy phép (bản giấy) đã được cấp trước đó.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Cơ yếu Chính phủ
- b) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã.
- c) Cơ quan phối hợp: Không.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự (sửa đổi).

1.8. Phí, lệ phí: Mức thu bằng 50% mức thu phí quy định tại Mục I và Mục II Biểu mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư số 249/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 (Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân).

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Đơn đề nghị sửa đổi Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự theo Mẫu số 02 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 341/2026/NĐ-CP.
- Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự theo Mẫu số 04 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 341/2026/NĐ-CP.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Việc sửa đổi Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự được thực hiện trong trường hợp doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép có nhu cầu thay đổi tên, thay đổi người đại diện theo pháp luật.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An ninh mạng số 116/2026/QH15.
- Nghị định số 341/2026/NĐ-CP ngày 1/9/2026 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật An ninh mạng về hoạt động mật mã dân sự.

(TÊN DOANH NGHIỆP) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

Số: ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Sửa đổi/bổ sung Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự**

Kính gửi: Ban Cơ yếu Chính phủ.

Tên doanh nghiệp đề nghị cấp phép (viết bằng tiếng Việt):

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên doanh nghiệp viết tắt (nếu có):

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:

Email: Website:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/giấy tờ khác có giá trị tương đương:

do: cấp ngày:

Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự số: do Ban Cơ yếu Chính phủ cấp ngày:

Họ và tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Chức vụ:

Số CCCD/Số định danh cá nhân/Hộ chiếu:

cấp ngày tại

Lý do đề nghị:

(ghi rõ lý do đề nghị sửa đổi/bổ sung Giấy phép)

Đề nghị Ban Cơ yếu Chính phủ:

(ghi rõ yêu cầu sửa đổi/bổ sung Giấy phép)

Tôi/chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của các thông tin đã cung cấp và cam kết thực hiện đúng các quy định về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự tại Luật An ninh mạng, Nghị định số 341/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật An ninh mạng về hoạt động mật mã dân sự.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 04

BAN CƠ YẾU CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GPKD-MMDS

..., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP KINH DOANH
SẢN PHẨM, DỊCH VỤ MẬT MÃ DÂN SỰ

TRƯỞNG BAN BAN CƠ YẾU CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 341/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật An ninh mạng về hoạt động mật mã dân sự;

Xét hồ sơ đề nghị cấp/sửa đổi/bổ sung Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự của.....⁵;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.³

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: do..... cấp ngày tháng..... năm;

Được kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự theo Danh mục kèm theo Giấy phép này.

Điều 2.³ phải thực hiện đúng các quy định của Luật và Nghị định sốngày.... tháng..... năm..... của Chính phủ quy định về hoạt động mật mã dân sự.

Điều 3. Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự này có thời hạn từ ngày tháng năm đến hết ngày.... tháng năm; ⁶thay thế cho Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự số/GPKD ngàytháng.....năm.... của Trưởng ban Ban Cơ yếu Chính phủ./.

Nơi nhận:

-....

-...

TRƯỞNG BAN
(ký tên và đóng dấu)

⁵ Tên doanh nghiệp được cấp phép

⁶ Sử dụng trong trường hợp sửa đổi/bổ sung Giấy phép

**DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM, DỊCH VỤ MẬT MÃ DÂN SỰ ĐƯỢC
PHÉP KINH DOANH**

*(Kèm theo Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự
số.../GPKD-BCY ngày tháng.... năm của Ban Cơ yếu Chính phủ)*

1. Danh mục các sản phẩm mật mã dân sự được phép kinh doanh

STT	Tên nhóm sản phẩm	Tiêu chuẩn, đặc tính kỹ thuật	Phạm vi, lĩnh vực cung cấp
1			
2			
...			

2. Danh mục các dịch vụ mật mã dân sự được phép kinh doanh

STT	Tên dịch vụ	Phạm vi, lĩnh vực cung cấp
1		
2		
...		

4. Thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự

1.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự lập 01 bộ hồ sơ, nộp trực tiếp, qua hệ thống bưu chính, qua Bộ phận Một cửa Bộ Quốc phòng hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng, Cổng Dịch vụ công quốc gia đến Ban Cơ yếu Chính phủ. Hồ sơ nộp trực tuyến phải được ký số theo quy định của pháp luật về chữ ký số.

Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ban Cơ yếu Chính phủ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp về nội dung cần sửa đổi, bổ sung. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo, doanh nghiệp có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ vẫn không đáp ứng được các nội dung theo thông báo hoặc quá thời hạn hoàn thiện hồ sơ, trong thời hạn 01 ngày làm việc, Ban Cơ yếu Chính phủ thông báo bằng văn bản đến doanh nghiệp về lý do không cấp giấy phép.

Bước 3: Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Cơ yếu Chính phủ thẩm định hồ sơ và cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự.

Trường hợp từ chối cấp phép, Ban Cơ yếu Chính phủ thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử. Hồ sơ nộp trực tuyến phải được ký số theo quy định của pháp luật về chữ ký số.

1.3. Thành phần hồ sơ:

Thành phần hồ sơ: Đơn đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ban Cơ yếu Chính phủ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp về nội dung cần sửa đổi, bổ sung.

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo, doanh nghiệp có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ.

Trong thời hạn 01 ngày làm việc đối với trường hợp việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ vẫn không đáp ứng được các nội dung theo thông báo hoặc quá thời hạn hoàn thiện hồ sơ, Ban Cơ yếu Chính phủ thông báo bằng văn bản đến doanh nghiệp về lý do không cấp giấy phép.

b) Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Cơ yếu Chính phủ thẩm định hồ sơ và cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự. Trường hợp từ chối cấp phép, Ban Cơ yếu Chính phủ thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự.

Thời hạn của Giấy phép: Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự có thời hạn 03 năm.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp.

1.6. Cơ quan giải quyết định thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Cơ yếu Chính phủ (*Đối với sản phẩm lưỡng dụng có tính năng mật mã dân sự và tính năng an ninh mạng do Bộ Công an cấp phép sau khi lấy ý kiến bằng văn bản của Ban Cơ yếu Chính phủ*).

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã.

c) Cơ quan phối hợp: Không.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự.

1.8. Phí, lệ phí: Thông tư số 249/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự theo Mẫu số 05 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 341/2026/NĐ-CP.

- Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự theo Mẫu số 06 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 341/2026/NĐ-CP.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Doanh nghiệp được cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự.
- Sản phẩm mật mã dân sự nhập khẩu phải được chứng nhận, công bố hợp quy.
- Đối tượng và mục đích sử dụng sản phẩm mật mã dân sự không gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15.
- Nghị định số 341/2026/NĐ-CP ngày 1/9/2026 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật An ninh mạng về hoạt động mật mã dân sự.

Mẫu số 05

(TÊN DOANH NGHIỆP) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:, ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp Giấy phép xuất khẩu/nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự

Kính gửi: Ban Cơ yếu Chính phủ.

Tên doanh nghiệp đề nghị cấp phép (viết bằng tiếng Việt):.....

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):.....

Tên doanh nghiệp viết tắt (nếu có):.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại: Fax:.....

Email: Website:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/giấy
 tờ khác có giá trị tương đương:.....

do:..... cấp ngày:

Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự số: ...do Ban Cơ yếu
 Chính phủ cấp ngày.....

Giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm số

do:..... cấp ngày: (nếu có).

Đề nghị Ban Cơ yếu cấp Giấy phép xuất khẩu sản phẩm mật mã dân sự/Giấy
 phép nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự theo danh mục kèm theo Đơn này.

Tôi/chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của các
 thông tin đã cung cấp và cam kết thực hiện đúng các quy định về kinh doanh,
 xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự tại Luật An ninh mạng, Nghị
 định số 341/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định
 chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật An ninh mạng về hoạt động mật
 mã dân sự.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BẢN KÊ KHAI DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM MẬT MÃ DÂN SỰ
ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP XUẤT KHẨU/NHẬP KHẨU
(Kèm theo Đơn đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự số ... ngày ... / ... / ... của ... ⁽⁷⁾)

TT	Tên sản phẩm	Tên hãng	Model/ Part number	Mã HS	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Số lượng	Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ⁽⁸⁾	Đặc tính kỹ thuật	Mục đích xuất khẩu/nhập khẩu
1										
2										
...										

⁽⁷⁾ Tên doanh nghiệp

⁽⁸⁾ Quy chuẩn kỹ thuật chỉ áp dụng đối với trường hợp nhập khẩu (nếu có)

Số: /GPKD-BCY

..., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY PHÉP
XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU SẢN PHẨM MẬT MÃ DÂN SỰ**

TRƯỞNG BAN BAN CƠ YẾU CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 341/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật An ninh mạng về hoạt động mật mã dân sự;

Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu/nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự của.....⁹;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
số: do..... cấp ngày tháng..... năm;

Được xuất khẩu/nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự theo Danh mục kèm theo Giấy phép này.

Điều 2,⁹ phải thực hiện đúng các quy định của Luật và Nghị định sốngày.... tháng..... năm..... của Chính phủ quy định về hoạt động mật mã dân sự.

Điều 3. Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu mật mã dân sự này có giá trị đến hết ngày tháng năm/.

Nơi nhận:

— • • • •

— • • •

TRƯỞNG BAN

(ký tên và đóng dấu)

⁹ Tên doanh nghiệp

DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM MẬT MÃ DÂN SỰ
ĐƯỢC XUẤT KHẨU/NHẬP KHẨU

*(Kèm theo Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự
số...../GPNXK-BCY ngày ... tháng... năm ... của Ban Cơ yếu Chính phủ)*

TT	Tên sản phẩm	Tên hãng	Model	Mã HS	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Số lượng	Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ¹⁰	Đặc tính kỹ thuật	Mục đích xuất khẩu/nhập khẩu
1										
2										
3										
....										

¹⁰ Quy chuẩn kỹ thuật chỉ áp dụng đối với trường hợp nhập khẩu (nếu có)